TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 92/2021/HS-PT
Ngày: 18/3/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;
Các Thẩm phán: Ông Thái Duy Nhiệm;
Ông Bùi Xuân Trọng.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Nhật Phương, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Đỗ Quyên – Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 18 tháng 03 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 1000/2020/TLPT-HS ngày 06 tháng 11 năm 2020 đối với bị cáo Lê Văn T và các bị cáo khác phạm tội "Gá bạc" và "Đánh bạc", do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 97/2020/HS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

**** Các bị cáo có kháng cáo:***

1. Lê Văn T, sinh năm 1984; Nơi ĐKHKTT: Thôn P, xã T2, huyện H1, tỉnh T1; Chỗ ở hiện nay: Thôn N, xã T3, huyện V, tỉnh H; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn T4, sinh năm 1961; Con bà: Lê Thị T5, sinh năm 1964; Vợ: Hoàng Thị N1 L, sinh năm 1988; có 02 con, con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2014; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2020 đến ngày 04/6/2020 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh, *(có mặt)*.

2. Đặng Văn T6, sinh năm 1993; Nơi cư trú: Đội 15, Thôn L1, xã V2, huyện V1, tỉnh H; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 09/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông:

Đặng Công T7, sinh năm: 1969; Con bà: Vũ Thị T8, sinh năm: 1972; Vợ: Lê Thị H2, sinh năm: 1998; có 01 con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị can bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2020 đến ngày 29/6/2020 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh, *(có mặt)*.

3. Lê Thị L2, sinh năm 1985; Nơi cư trú: Thôn Đ, xã V2, huyện V1, tỉnh H; Giới tính: Nữ; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Lê Văn B (Đã chết); Con bà: Phạm Thị L2, sinh năm 1953; Chồng: Đặng Văn H3, sinh năm 1980; Có 02 con, con lớn sinh năm 2008; con nhỏ sinh năm 2013; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 10/4/2014 bị TAND huyện V1 xử phạt 06 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; Bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/04/2020 đến ngày 04/6/2020 được thay thế bằng biện pháp Bảo lĩnh, *(có mặt)*.

4. Đặng Ngọc T9, sinh năm 1992; Nơi cư trú: Thôn Đ1, xã V2, huyện V1, tỉnh H; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Con ông: Đặng Văn M, sinh năm: 1965; Con bà: Nguyễn Thị Hồng T10, sinh năm: 1970; Vợ: Khúc Thị T11, sinh năm: 1992; có 02 con, con lớn sinh năm 2014, con nhỏ sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 16/5/2012 bị Tòa án nhân dân huyện Y xử phạt 09 tháng tù cho hưởng án treo về tội Đánh bạc; Bị tạm giữ từ ngày 13/04/2020 đến ngày 22/4/2020 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, *(có mặt)*.

Ngoài ra trong vụ án còn có 07 bị cáo khác không kháng cáo và không bị kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 13 giờ ngày 13/4/2020 Lê Thị L2, Phạm N1 T12, Nguyễn Minh T13, Đặng Tuấn A, Đặng Văn T6, Đặng Ngọc T9, Đỗ Tùng D, Đỗ Văn B1, Nguyễn Văn V3, đến xưởng thu mua phế liệu của Lê Văn T, sinh năm 1984 ở thôn N, xã T3, huyện V, tỉnh H chơi, uống nước tại phòng đặt ban thờ thần tài. Tại đây mọi người cùng rủ đánh bạc bằng hình thức đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, Lê Văn T đồng ý, trong phòng đã trải sẵn 02 chiếc chiếu và 01 chiếc thảm, T6 dùng kéo lấy tại xưởng nhà T cắt 04 quân vị hình tròn từ quân bài chắn, một mặt màu trắng có chữ màu đen, một mặt màu đỏ kẻ caro; Lý lấy 01 bát sứ, 01 đĩa sứ trong rổ bát nhà T. Sau đó Đặng Văn T6 là người xóc cái cho các đối tượng tham gia đánh bạc gồm: Đặng Ngọc T9, Đỗ Tùng D, Đặng Tuấn A, Lê Thị L2, Nguyễn Văn V3, Đỗ Văn B1. Trong khi các đối tượng đang đánh

bạc thì Chu Tiến N1, Chu Văn T14, Vũ Văn T12 đến xưởng nhà T; N1 vào tham gia đánh bạc, còn T12 và T14 đứng ngoài xem. Lúc này T13 đang ngồi uống nước ở ngoài cũng đi vào cùng tham gia đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ cùng ngày, Nguyễn Thành T15 đến xưởng nhà T và vào tham gia đánh bạc cùng các đối tượng nêu trên. Hình thức đánh bạc như sau: Người xóc cái cho 04 quân vị hình tròn vào lòng đĩa sau đó úp bát lên rồi xóc, người tham gia đánh bạc tùy chọn đặt tiền vào bên lẻ hoặc bên chẵn, khi mở bát ra nếu có hai quân bài hoặc bốn quân bài cùng màu là chẵn, người đặt tiền bên chẵn thắng bạc, nếu có ba quân bài cùng màu và một quân bài khác màu là lẻ, người đặt tiền bên lẻ thắng bạc. Người làm cái thu tiền bên thua và trả tiền cho những người bên thắng bằng số tiền đã đặt. Nếu thiếu tiền thì người xóc cái phải bù, nếu thừa ra thì người cầm cái thắng bạc. Tham gia đánh bạc mỗi người phải nộp 500.000 đồng tiền hồ cho T, Lê Văn T đã thu được 5.000.000đồng tiền hồ. Khoảng hơn 14 giờ cùng ngày Đinh Văn T16, Lê Xuân T17, Lê Quang H4 là bạn của T đến chơi nhưng không tham gia đánh bạc. Các đối tượng đánh bạc đến 14 giờ 30 phút cùng ngày thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an tỉnh H bắt quả tang, 10 đối tượng gồm: Lê Văn T, Đặng Văn T6, Lê Thị L2, Nguyễn Văn V3, Đặng Ngọc T9, Chu Tiến N1, Đặng Tuấn A, Nguyễn Minh T13, Đỗ Văn B1, Đỗ Tùng D; các đối tượng Nguyễn Thành T15, Vũ Văn T12, Lê Quang H4 đã chạy thoát; Cơ quan điều tra đã mời Đinh Văn T16, Phạm N1 T12, Chu Xuân T14, Lê Xuân T17 và chị Hoàng Thị Ngọc L, sinh năm 1988 là vợ của Lê Văn T về trụ sở để làm việc. Vật chứng thu giữ: 01 chiếc thảm, 02 chiếc chiếu, 01 bát sứ, 01 đĩa sứ, 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài chắn, 01 chiếc kéo, số tiền 57.600.000 đồng thu trên chiếu bạc. Cơ quan điều tra đã thu giữ: Lê Văn T 5.000.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung; Đặng Văn T6 34.300.000 đồng, 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung; Lê Thị L2 8.000.000 đồng; Đặng Tuấn A 10.300.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone, 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI biển số 89C-178.22; Đỗ Văn B1 thu trên người 4.800.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone, 01 xe mô tô SH biển số 89E1 - 686.44 , bên trong cốp xe có số tiền 130.000.000 đồng; Đỗ Tùng D 5.000.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; Nguyễn Minh T13 130.000 đồng, 01 xe mô tô SH biển số 89E1 - 439.29; Đặng Ngọc T9 3.900.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; Chu Tiến N1 5.800.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; Nguyễn Văn V3 thu trên người 3.100.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Detech biển số 20H3- 6444, bên trong cốp xe có số tiền 8.000.000 đồng; Nguyễn Thành T15 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE, biển số 89E1 - 370.65; Đinh Văn T16 300.000 đồng, 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 89E1- 590.20, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone; Phạm N1 T12 16.000.000 đồng, 01 điện thoại di động Iphone; Chu Xuân T14, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia; Lê Xuân T17 500.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia.

Khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Văn T không thu giữ đồ vật, tài liệu gì có liên quan.

Đối với Nguyễn Thành T15, ngày 19/4/2020 đã đến Phòng Cảnh sát hình sự Công an tỉnh H đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đánh của mình và đồng phạm.

Quá trình điều tra xác định: Tổng số tiền các đối tượng dùng đánh bạc là 132.930.000 đồng, trong đó: Tiền thu giữ trên chiếu bạc là 57.600.000 đồng; tiền thu trên người các đối tượng sẽ dùng đánh bạc 75.330.000 đồng. Lê Văn T hưởng lợi từ việc gá đánh bạc là 5.000.000 đồng tiền hồ.

Đối với Lê Quang H4 hiện bỏ trốn, Cơ quan Cảnh sát điều tra tiếp tục xác minh làm rõ đề nghị xử lý sau.

Đối với Lê Xuân T17, Phạm N1 T12, Chu Văn T14, Vũ Văn T12, Đinh Văn T16 có mặt tại nhà T nhưng không tham gia đánh bạc nên không có căn cứ để xử lý.

Vật chứng của vụ án: Số tiền 137.930.000 đồng, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh H đã nộp vào tài khoản tạm thu chờ xử lý tại Kho bạc nhà nước tỉnh H; 01 chiếc thảm; 02 chiếc chiếu; 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn được cắt từ quân bài chắn; 01 chiếc kéo được quản lý tại kho vật chứng của Công an tỉnh H.

Đối với 11 điện thoại di động các loại thu giữ của Đặng Văn T6, Lê Văn T, Đỗ Văn B1, Lê Xuân T17, Chu Xuân T14, Đỗ Tùng D, Đặng Ngọc T9, Đặng Tuấn A, Chu Tiến N1, Đinh Văn T16, Phạm N1 T12; 01 xe ô tô nhãn hiệu SUZUKI biển số 89C -178.22 thu giữ của Đặng Tuấn A; 01 xe mô tô SH biển số 89E1 - 439.29 thu giữ của Nguyễn Minh T13; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda biển số 89E1 - 590.20 thu giữ của Đinh Văn T16; 01 xe mô tô nhãn hiệu Detech biển số 22H3 - 6444 thu giữ của Nguyễn Văn V3; 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda AIRBLADE biển số 89E1 - 370.65 thu giữ của Nguyễn Thành T15; số tiền 16.000.000 đồng thu giữ của Phạm N1 T12; 300.000 đồng thu giữ của Đinh Văn T16; 500.000 đồng thu giữ của Lê Xuân T17; 8.000.000 đồng thu giữ trong cốp xe biển số 22H3 - 6444; 01 xe mô tô SH biển số 89E1- 686.44 và số tiền 130.000.000 đồng trong cốp xe thu giữ của Đỗ Văn B1, không liên quan đến hành vi Gá bạc và Đánh bạc nên Cơ quan điều tra đã trả lại cho chủ sở hữu.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 97/2020/HS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H đã tuyên bố: Bị cáo Lê Văn T phạm tội Gá bạc; các bị cáo Đặng Văn T6, Lê Thị L2, Đặng Ngọc T9 phạm tội Đánh bạc.

Áp dụng: Điểm b khoản 1, khoản 3 Điều 322 Bộ luật hình sự; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với bị cáo Lê Văn T. Xử phạt: Bị

cáo Lê Văn T 01 năm 03 tháng tù về tội "Gá bạc" được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 04/6/2020, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt đi thi hành án.

Áp dụng điểm b khoản 2, khoản 3 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 38 Bộ luật hình sự đối với các bị cáo Đặng Văn T6, Lê Thị L2, Đặng Ngọc T9.

Xử phạt: Các bị cáo Đặng Văn T6, Lê Thị L2, Đặng Ngọc T9 mỗi bị cáo 03 năm 03 tháng tù. Bị cáo Đặng Văn T6 được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 29/6/2020; các bị cáo Lê Thị L2 được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 04/6/2020; bị cáo Đặng Ngọc T9 được trừ đi thời gian bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 13/4/2020 đến ngày 22/4/2020. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt các bị cáo đi thi hành án.

Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo Lê Văn T 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)*; Phạt bổ sung các bị cáo Đặng Văn T6, Lê Thị L2, Đặng Ngọc T9 mỗi bị cáo 10.000.000 đồng *(mười triệu đồng)* sung vào ngân sách Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định hình phạt đối với các bị cáo khác trong vụ án, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 21/09/2020, 28/09/2020, ngày 30/09/2020, ngày 05/10/2020 các bị Đặng Ngọc T9, Lê Thị L2, Đặng Văn T6, Lê Văn T kháng cáo xin giảm hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Lê Văn T giữ nguyên nội dung kháng cáo. Thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung bản án sơ thẩm.

Các bị cáo Đặng Ngọc T9, Lê Thị L2, Đặng Văn T6 xin rút kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội có quan điểm: Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá đúng tính chất, mức độ hành vi phạm tội cũng như nhân thân để xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 năm 03 tháng tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo Lê Văn T xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền địa phương, biên lai thể hiện đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm, giấy xác nhận của Công an phường T18, thành phố S, tỉnh T19 về việc bị cáo nhặt được tiền và tài sản đã giao nộp để trả lại người mất là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Do đó,

có cơ sở chấp nhận kháng cáo của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, sửa bản án sơ thẩm giữ nguyên hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Các bị cáo Lê Thị L2, Đặng Văn T6, Đặng Ngọc T9 tự nguyện xin rút kháng cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự, đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với các bị cáo L2, T6, T9.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về thủ tục tố tụng: Các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng tại cấp sơ thẩm đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Tại cấp sơ thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại gì. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Quá trình điều tra và tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm các bị cáo Đặng Ngọc T9, Lê Thị L2, Đặng Văn T6, Lê Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với biên bản bắt giữ người phạm tội quả tang, lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của các bị cáo đồng phạm khác, biên bản thu giữ vật chứng và những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Có đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ 13 giờ 30 phút đến 14 giờ 30 phút ngày 13/4/2020, Lê Văn T đã sử dụng xưởng thu mua phế liệu của mình ở thôn N, xã T3, huyện V, tỉnh H để cho 10 đối tượng trong đó có Đặng Văn T6, Lê Thị L2 và Đặng Ngọc T9 đánh bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa với tổng số tiền sử dụng vào việc đánh bạc là 132.930.000 đồng. Lê Văn T thu lợi bất chính từ việc gá bạc số tiền 5.000.000 đồng.

Hành vi nêu trên của Lê Văn T đã bị Tòa án cấp sơ thẩm xét xử về tội "Gá bạc" theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 322 Bộ luật hình sự; các bị cáo Đặng Văn T6, Lê Thị L2, Đặng Ngọc T9 bị xét xử về tội "Đánh bạc" theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 321 Bộ luật hình sự là có căn cứ.

Tại phiên tòa phúc thẩm các bị cáo Đặng Ngọc T9, Lê Thị L2, Đặng Văn T6 tự nguyện xin rút kháng cáo. Xét thấy việc rút kháng cáo của các bị cáo là tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật. Căn cứ Điều 348 Bộ luật tố tụng hình sự Hội đồng xét xử đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo.

[3]. Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của bị cáo Lê Văn T, thấy:

Hành vi phạm tội của bị cáo đã trực tiếp xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Khi quyết định hình phạt Tòa án cấp sơ thẩm đã đánh giá vai trò, nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để xử phạt bị cáo Lê Văn T 01 năm 03 tháng tù là phù hợp.

Tại cấp phúc thẩm bị cáo Lê Văn T xuất trình đơn xin giảm nhẹ hình phạt và cải tạo tại địa phương có xác nhận của chính quyền địa phương, biên lai thể hiện đã nộp tiền phạt bổ sung và án phí sơ thẩm, giấy xác nhận của Công an phường T18, thành phố S, tỉnh T19 về việc bị cáo nhặt được 01 chiếc điện thoại di động, 01 chiếc ví bên trong có số tiền 10.000.000đồng và nhiều giấy tờ tùy thân mang tên anh Lê Văn N2 ở quận H5, thành phố H6 đã giao nộp để trả lại người mất là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Xét bị cáo Lê Văn T được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ, không có tình tiết tăng nặng; tích cực chấp hành quyết định của bản án sơ thẩm thể hiện bằng việc nộp số tiền phạt bổ sung 20.000.000đồng và án phí sơ thẩm; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã có hành động tích cực đáng hoan nghênh được Công an phường T18, thành phố S, tỉnh T19 xác nhận nhằm chuộc lại phần nào lỗi lầm thể hiện sự hối lỗi và quyết tâm cải tạo thành người công dân tốt. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo, áp dụng quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự cho bị cáo Lê Văn T được hưởng án treo dưới sự giám sát, giáo dục của gia đình và chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm nói chung.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí phúc thẩm: Các bị cáo Lê Thị L2, Đặng Văn T6, Đặng Ngọc T9, Lê Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Vì các lẽ trên.

Căn cứ Điều 348, điểm b khoản 1 Điều 355, điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật Tố tụng hình sự.

QUYẾT ĐỊNH

1. Đình chỉ xét xử phúc thẩm đối với kháng cáo của các bị cáo Lê Thị L2, Đặng Văn T6, Đặng Ngọc T9; Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Lê Văn T. Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 97/2020/HS-ST ngày 21 tháng 09 năm 2020 của Tòa án nhân dân tỉnh H.

2. Áp dụng: Điểm b khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; khoản 1,2,5 Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015 đối với bị cáo Lê Văn T.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn T 01 năm 03 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tính từ ngày tuyên án phúc thẩm về tội "Gá bạc".

Ghi nhận Lê Văn T đã thi hành tiền phạt bổ sung 20.000.000 đồng *(hai mươi triệu đồng)* và 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm theo biên lai thu số 0001721 ngày 25 tháng 01 năm 2021 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh H.

Giao bị cáo Lê Văn T cho Uỷ ban nhân dân xã T3, huyện V, tỉnh H giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách của án treo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, nếu người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên, thì Tòa án có thể buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

3. Về án phí: Các bị cáo Lê Thị L2, Đặng Văn T6, Đặng Ngọc T9, Lê Văn T không phải chịu án phí phúc thẩm hình sự.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật ngay sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- Cục THADS tỉnh H;
- Bị cáo (theo địa chỉ);
- Lưu: P. HCTP, HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Thu Hà